

<p><b>113. Kinh Chân Nhân</b></p>	<p><b>113. The True Man (Sappurisa Sutta)</b></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: <b>TT. Thích Nhật Từ</b>)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: <b>Bhikkhu Bodhi</b>)</p>
<p><b>113. Kinh Chân nhân</b> (P. <i>Sappurisasuttaṃ</i>, H. 善士經) tương đương <i>Chân nhân kinh</i>.<sup>110</sup> Bất luận bối cảnh giai cấp và họ tộc, bậc chân tu theo Phật pháp sẽ đạt được an lạc, giải thoát và được sự kính trọng. Bậc chân tu không khen mình, chê người về sự nổi tiếng, 4 vật cúng dường, học pháp giỏi, giữ giới hạnh, thiếu dục và giản đơn, khát thực nuôi mạng thanh tịnh, sống ở nghĩa địa, ngủ dưới gốc cây, hết tham sân si, chứng 9 cấp thiền định, đạt được trí tuệ, giải phóng khổ đau.</p>	<p><b>113. Sappurisa Sutta: The True Man.</b> The Buddha distinguishes the character of a true man from that of an untrue man.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: <b>HT. Thích Minh Châu</b></p>	<p>English Translation from Pāli: <b>Bhikkhu Ñāṇamoli &amp; Bhikkhu Bodhi</b></p>
<p>Như vậy tôi nghe.  Một thời Thế Tôn trú ở Sāvattthī, Jetavana, tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).  Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo"  -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:</p> <p>"Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp. Các Ông hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng"  -- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:</p> <p>-- Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Chân nhân pháp?  Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân xuất</p>	<p>1. <b>THUS HAVE I HEARD.</b> On one occasion the Blessed One was living at Sāvattthī in Jeta’s Grove, Anāthapiṇḍika’s Park.  There he addressed the bhikkhus thus: “Bhikkhus.”  — “Venerable sir,” they replied. The Blessed One said this:</p> <p>2. “Bhikkhus, I shall teach you the character of a true man and the character of an untrue man.<sup>1064</sup> Listen and attend closely to what I shall say.”  — “Yes, venerable sir,” the bhikkhus replied. The Blessed One said this:</p> <p>3. “Bhikkhus, what is the character of an untrue man?  Here an untrue man who has gone forth from an</p>

gia từ một gia đình cao sang. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta xuất gia từ một gia đình cao sang. Còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình cao sang".

Vì người ấy thuộc gia đình cao sang nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì thuộc một gia đình cao sang mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người xuất gia, không phải từ một gia đình cao sang, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ (*patipadam*) làm chánh yếu (*antaram*), không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình cao sang. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân xuất gia từ một gia đình lớn.... xuất gia từ một gia đình đại phú... xuất gia từ một gia đình quý phái. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta xuất gia từ một gia đình quý phái, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình quý phái".

Vì người ấy thuộc gia đình quý phái, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì thuộc về một gia đình quý phái mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình quý phái và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

aristocratic family considers thus: 'I have gone forth from an aristocratic family; but these other bhikkhus have not gone forth from aristocratic families.'

So he lauds himself and disparages others because of his aristocratic family. This is the character of an untrue man.

"But a true man considers thus: 'It is not because of one's aristocratic family that states of greed, hatred, or delusion are destroyed.

Even though someone may not have gone forth from an aristocratic family, yet if he has entered upon the way that accords with the Dhamma, entered upon the proper way, [38] and conducts himself according to the Dhamma, he should be honoured for that, he should be praised for that.'

So, putting the practice of the way first, he neither lauds himself nor disparages others because of his aristocratic family. This is the character of a true man.

4-6. "Moreover, an untrue man who has gone forth from a great family... from a wealthy family... from an influential family considers thus: 'I have gone forth from an influential family; but these other bhikkhus have not gone forth from influential families.'

So he lauds himself and disparages others because of his influential family. This too is the character of an untrue man.

"But a true man considers thus: 'It is not because of one's influential family that states of greed, hatred, or delusion are destroyed.

Even though someone may not have gone forth from an influential family, yet if he has entered upon the way that accords with the Dhamma, entered upon the proper way, and conducts himself according to the Dhamma, he should

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu, không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình quý phái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân được nhiều người biết, có danh xưng. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta được nhiều người biết, có danh xưng, còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng".

Vì người ấy tự mình được nhiều người biết đến nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân Nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì mình được nhiều người biết đến mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người xuất gia không được nhiều người biết, không có danh xưng, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu, không khen mình chê người vì tự mình được nhiều người biết và có danh xưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân được các vật (cúng dường) như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta nhận được các vật (cúng dường) như y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, còn các Tỷ-kheo này không nhận được y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh".

Vì người ấy thân nhận được như vậy nên khen mình chê

be honoured for that, he should be praised for that.'

So, putting the practice of the way first, he neither lauds himself nor disparages others because of his influential family. This too is the character of a true man.

7. "Moreover, an untrue man who is well known and famous considers thus: 'I am well known and famous; but these other bhikkhus are unknown and of no account.'

So he lauds himself and disparages others because of his renown. This too is the character of an untrue man.

"But a true man considers thus: 'It is not because of one's renown that states of greed, hatred, or delusion are destroyed.

Even though someone may not be well known and famous, yet if he has entered upon the way that accords with the Dhamma, entered upon the proper way, and conducts himself according to the Dhamma, he should be honoured for that, he should be praised for that.'

So, putting the practice of the way first, he neither lauds himself nor disparages others because of his renown. This too is the character of a true man. [39]

8. "Moreover, an untrue man who gains robes, almsfood, resting places, and requisites of medicine considers thus: 'I gain robes, almsfood, resting places, and requisites of medicine; but these other bhikkhus do not gain these things.'

So he lauds himself and disparages others because of

người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người xuất gia không nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp hành, trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình được thấu nhận như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người nghe nhiều. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người nghe nhiều, còn các Tỷ-kheo này không nghe nhiều".

Người ấy do được nghe nhiều nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, Người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì nghe nhiều mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu có người không nghe nhiều và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình được nghe nhiều. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là bậc

gain. This too is the character of an untrue man.

"But a true man considers thus: 'It is not because of gain that states of greed, hatred, or delusion are destroyed.

Even though someone has no gain, yet if he has entered upon the way that accords with the Dhamma, entered upon the proper way, and conducts himself according to the Dhamma, he should be honoured for that, he should be praised for that.'

So, putting the practice of the way first, he neither lauds himself nor disparages others because of gain. This too is the character of a true man.

9–20. "Moreover, an untrue man who is learned...

who is expert in the Discipline...

trì luật. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là bậc trì luật, còn các Tỷ-kheo này không là bậc trì luật".

Do tự mình trì luật, người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình là bậc trì luật mà các tham pháp đi đến đoạn trừ hay các sân pháp đi đến đoạn trừ hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu có người không phải là bậc trì luật, nhưng người này hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc trì luật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người thuyết pháp. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người thuyết pháp, còn các Tỷ-kheo này không phải là người thuyết pháp".

Vì tự mình là người thuyết pháp, nên người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Không phải do tự mình là bậc thuyết pháp mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người không phải là người thuyết pháp, nhưng hành trì đúng pháp, và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết pháp. Như vậy,

[40]... who is a preacher of the Dhamma...

này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người theo hạnh sống ở núi rừng. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh sống ở rừng núi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống ở rừng núi".

Người ấy vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người không theo hạnh sống ở rừng núi, nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo hạnh mặc phần tảo y. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh mặc phần tảo y. Còn các Tỷ-kheo này không là người theo hạnh mặc phần tảo y".

Người này do tự mình theo hạnh mặc phần tảo y nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh mặc phần tảo y mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người không theo hạnh mặc phần tảo y, nhưng

who is a forest dweller...

who is a refuse-rag wearer...

người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình mặc phần tảo y. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người theo hạnh khát thực. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta theo hạnh khát thực, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh khát thực". Người ấy, do tự mình theo hạnh khát thực nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh khát thực mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người không theo hạnh khát thực, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình theo hạnh khát thực. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân theo hạnh sống dưới gốc cây. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người theo hạnh sống dưới gốc cây, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống dưới gốc cây".

Người ấy, do tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như

[41]... an almsfood eater...

a tree-root dweller...

sau: "Không phải vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người không theo hạnh sống dưới gốc cây, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh và hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo hạnh sống tại nghĩa địa... theo hạnh sống ngoài trời... theo hạnh thường ngồi (không nằm)... Theo hạnh ngồi tại chỗ mời... theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi.

Do tự mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Không phải vì mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ.

Nếu một người không theo hạnh chỉ ăn một lần, nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy, sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình sống chỉ ăn một lần ngồi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

[42]... a charnel-ground dweller... an open-air dweller... a continual sitter... an any-bed user... a one-session eater considers thus: 'I am a one-session eater; but these other bhikkhus are not one-session eaters.'<sup>1065</sup>

So he lauds himself and disparages others because of his being a one-session eater. This too is the character of an untrue man.

"But a true man considers thus: 'It is not because of being a one-session eater that states of greed, hatred, or delusion are destroyed.

Even though someone may not be a one-session eater, yet if he has entered upon the way that accords with the Dhamma, entered upon the proper way, and conducts himself according to the Dhamma, he should be honoured for that, he should be praised for that.'

So, putting the practice of the way first, he neither lauds himself nor disparages others because of his being a one-session eater. This too is the character of a true man.



Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú sơ Thiền, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ.

Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta là người chứng được sơ Thiền, các người Tỷ-kheo này không chứng được sơ Thiền".

Người ấy do tự mình chứng được sơ Thiền nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định sơ Thiền, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác".

Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định sơ Thiền. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân pháp diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm...

Thiền thứ ba...

chứng và trú Thiền thứ tư.

Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng đắc định Thiền thứ tư, còn các Tỷ-kheo này không chứng đắc định Thiền thứ tư".

Người ấy vì chứng đắc định Thiền thứ tư ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Thiền thứ tư, tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền

21. "Moreover, quite secluded from sensual pleasures, secluded from unwholesome states, an untrue man enters upon and abides in the first jhāna, which is accompanied by applied and sustained thought, with rapture and pleasure born of seclusion.

He considers thus: 'I have gained the attainment of the first jhāna; but these other bhikkhus have not gained the attainment of the first jhāna.'

So he lauds himself and disparages others because of his attainment of the first jhāna. This too is the character of an untrue man.

"But a true man considers thus: 'Non-identification even with the attainment of the first jhāna has been declared by the Blessed One; for in whatever way they conceive, the fact is ever other than that.'<sup>1066</sup> [43]

So, putting non-identification first, he neither lauds himself nor disparages others because of his attainment of the first jhāna. This too is the character of a true man.

22–24. "Moreover, with the stilling of applied and sustained thought, an untrue man enters upon and abides in the second jhāna...

With the fading away as well of rapture... he enters upon and abides in the third jhāna...

With the abandoning of pleasure and pain... he enters upon and abides in the fourth jhāna...

đổi khác".

Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng đắc định Thiền thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên mọi sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, người ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Không vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Không vô biên xứ".

Người ấy, vì chứng được định Không vô biên xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Không vô biên, xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ như thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác".

Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Không vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân, vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Thức vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Thức vô biên xứ".

Người ấy vì chứng được định Thức vô biên xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Thức vô biên xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự

25. "Moreover, with the complete surmounting of perceptions of form, with the disappearance of perceptions of sensory impact, with non-attention to perceptions of diversity, aware that 'space is infinite,' an untrue man enters upon and abides in the base of infinite space...

26. "Moreover, by completely surmounting the base of infinite space, aware that 'consciousness is infinite,' an untrue man enters upon and abides in the base of infinite consciousness... [44]...

tánh liền đối khác".

Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Thức vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có sở hữu", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Vô sở hữu xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Vô sở hữu xứ".

Người ấy, vì chứng được định Vô sở hữu xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Vô sở hữu xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đối khác".

Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ".

Người ấy vì chứng được định Phi tưởng phi phi tưởng xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

27. "Moreover, by completely surmounting the base of infinite consciousness, aware that 'there is nothing,' an untrue man enters upon and abides in the base of nothingness...

28. "Moreover, by completely surmounting the base of nothingness, an untrue man enters upon and abides in the base of neither-perception-nor-non-perception. He considers thus: 'I have gained the attainment of the base of neither-perception-nor-non-perception; but these other bhikkhus have not gained the attainment of the base of neither-perception-nor-non-perception.'

So he lauds himself and disparages others because of his attainment of the base of neither-perception-nor-non-perception. This too is the character of an untrue man.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "Định Phi tưởng phi phi tưởng xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác".

Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì định Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người Chân nhân sau khi vượt lên Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng định, sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này không nghĩ mình là bất cứ vật gì, không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, không nghĩ đến bất cứ vì sự việc gì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

"But a true man considers thus: 'Non-identification even with the attainment of the base of neither-perception-nor-non-perception has been declared by the Blessed One; for in whatever way they conceive, the fact is ever other than that.'

So, putting non-identification first, he neither lauds himself nor disparages others because of his attainment of the base of neither-perception-nor-non-perception. This too is the character of a true man. [45]

29. "Moreover, by completely surmounting the base of neither-perception-nor-non-perception, a true man enters upon and abides in the cessation of perception and feeling."<sup>1067</sup>

And his taints are destroyed by his seeing with wisdom. This bhikkhu does not conceive anything, he does not conceive in regard to anything, he does not conceive in any way."<sup>1068</sup>

That is what the Blessed One said. The bhikkhus were satisfied and delighted in the Blessed One's words.

### Notes

The bracketed numbers [ ] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society's edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

1064. *Sappurisdhamma; asappurisdhamma.*

1065. These are nine of the thirteen ascetic practices discussed in Vsm II. The "continual sitter" (*nesajjika*)

observes the practice of never lying down but of sleeping in the sitting posture.

1066. MA explains “non-identification” (*atammayatā*, lit. “not consisting of that”) as the absence of craving. However, the context suggests that the absence of conceit may be the meaning. The statement “for in whatever way they conceive, the fact is ever other than that” (*yena yena hi mannanti tato taṃ hoti annathā*) is a philosophical riddle appearing also at Sn 588, Sn 757, and Ud 3:10. Though MA is silent, the Udāna commentary (to Ud 3:10) explains it to mean that in whatever way worldly people conceive any of the five aggregates—as self or self’s belonging, etc.—the thing conceived turns out to be other than the aspect ascribed to it: it is not self or self’s belonging, not “I” or “mine.”

1067. It should be noted that there is no passage on the untrue man entering the cessation of perception and feeling. Unlike the jhānas and immaterial attainments, which can be attained by worldlings, cessation is the domain exclusively of non-returners and arahants.

1068. *Na kinci mannati, na kuhinci mannati, na kenaci mannati.* This is a brief statement of the same situation described in full at MN 1.51–146. On “conceiving” see n.6.